



ROAD LABORATORY II

ISO 9001:2008

INTRODUCTION

A - GIỚI THIỆU

PHÒNG THÍ NGHIỆM TRỌNG ĐIỂM ĐƯỜNG BỘ II

1. Tên đơn vị : **Phòng thí nghiệm trọng điểm đường bộ II**
 2. Tên giao dịch quốc tế : **Road Laboratory II**
 3. Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài: **RoadLab.2**
 4. Trụ sở chính : **Lô 43, 44, 45 - B38 - Phường Hòa Minh - Quận Liên Chiểu – Thành phố Đà Nẵng.**
 5. Điện thoại : **05113 769912; Fax: 05113 766890**
 6. Cơ quan chủ quản : **Bộ giao thông vận tải**
 7. Cơ quan cấp trên trực tiếp: **Viện khoa học và công nghệ GTVT**
 8. Quyết định thành lập: **Số 986/QĐ-BGTVT ngày 08/04/2002**
- Cơ quan quyết định thành lập: **Bộ giao thông vận tải**

**ROAD LABORATORY II**

ISO 9001:2008

HỒ SƠ NĂNG LỰC

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 968 /2002/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
Về việc : Thành lập Phòng Thí nghiệm trọng điểm đường bộ**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22/3/1994 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quản lý Nhà nước và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Giao thông vận tải ;

Căn cứ Nghị định số 35/HĐBT ngày 28/1/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về công tác quản lý Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Phòng Thí nghiệm trọng điểm đường bộ thuộc Viện Khoa học và công nghệ giao thông vận tải ban hành kèm theo Quyết định số 968 /QĐ-BGTVT ngày 4 /4/2001 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Khoa học và công nghệ giao thông vận tải, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Lao động,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 . Thành lập 03 Phòng Thí nghiệm trọng điểm đường bộ I, II, III , trực thuộc Viện Khoa học và công nghệ giao thông vận tải để thực hiện chức năng thí nghiệm, kiểm tra, nghiên cứu, phục vụ công tác quản lý chất lượng vật liệu và kết cấu công trình trong xây dựng đường bộ thuộc ngành Giao thông vận tải.

- Phòng Thí nghiệm trọng điểm đường bộ I có trụ sở đặt tại Thành phố Hà nội,
- Phòng Thí nghiệm trọng điểm đường bộ II có trụ sở đặt tại Thành phố Đà Nẵng .
- Phòng Thí nghiệm trọng điểm đường bộ III có trụ sở đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2 . Phòng Thí nghiệm trọng điểm đường bộ là tổ chức sự nghiệp khoa học có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước, được tổ chức và hoạt động theo Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Phòng Thí nghiệm trọng điểm đường bộ ban hành kèm theo Quyết định số 968/QĐ-BGTVT ngày 4 tháng 4 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 3 . Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Lao động, Viện trưởng Viện Khoa học và công nghệ giao thông vận tải, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận :

- Như điều 3,
- Các đốc Thứ trưởng Bộ GTVT,
- Các Bộ : KH&CN&MT, Công an,
- Công an TP. Hà nội,
- Lưu HC, KH&CN, TCCB&LD.

BỘ TRƯỞNG BỘ GTVT



Lê Ngọc Hoàn





ROAD LABORATORY II

ISO 9001:2008

INTRODUCTION

9. Giấy đăng ký hoạt động công nghệ: **Số A-1139 ngày 31/10/2013**

Cơ quan cấp giấy đăng ký hoạt động KH&CN: **Bộ Khoa học và Công nghệ**


SỐ ĐĂNG KÝ : A - 1139

Hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ sau:

- Nghiên cứu, khoa học và chuyển giao ứng dụng tiêu bộ khoa học và công nghệ mới trong lĩnh vực vật liệu và cấu kiện xây dựng công trình;
- Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu mới, máy móc thiết bị thí nghiệm, xây dựng và môi trường trên cơ sở các kết quả nghiên cứu; Thí công xây lắp các công trình ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới;
- Dịch vụ KH&CN: Tư vấn (khảo sát, thiết kế, lập dự án, lập hồ sơ môi trường, giám sát, thẩm tra, giám sát, đánh giá tác động môi trường, quản lý dự án và chứng nhận sự phù hợp chất lượng) thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định, đánh giá các vật liệu, kết cấu trong công trình xây dựng; đào tạo nâng cao trình độ, tập huấn quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật và đào tạo chuyên gia công nghệ, tham gia xây dựng hệ thống tiêu chuẩn trong lĩnh vực xây dựng công trình;
- Hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện nhiệm vụ của Phòng Thí nghiệm.

(Đội với sáng kiến thực hiện công việc có điều kiện theo quy định của pháp luật, trước khi thực hiện phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2013

KT. BỘ TRƯỞNG

Lê Đình Tiến

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CHỨNG NHẬN
GIẤY KÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Phòng ký làm đơn, ngày 30/9/2013 (số đăng ký: A-1139)

Tên tổ chức khoa học và công nghệ:
Phòng Thí nghiệm trọng điểm đường bộ II

Tên viết bằng tiếng nước ngoài:
Road Laboratory II

Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài: Roadlab.2

Trụ sở chính:
Lô 43-44-45, B38 phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Tổng số vốn đăng ký: 3.000.000.000 đồng.

Quyết định thành lập số: 986/2002/QĐ-BGTVT
ngày 08 tháng 4 năm 2002

Cơ quan quyết định thành lập:
Bộ Giao thông vận tải

Cơ quan quản lý trực tiếp:
Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông vận tải

Người đứng đầu tổ chức: Nguyễn Tuấn Hiền
CMND: số 011737929, do Công an TP. Hà Nội cấp ngày 29 tháng 3 năm 2007



ROAD LABORATORY II

ISO 9001:2008

HỒ SƠ NĂNG LỰC

10. Quyết định công nhận năng lực phòng LAS-XD 428:

- **Quyết định công nhận lần 1: Số 2781/QĐ-BGTVT ngày 23/07/2014**
- **Quyết định công nhận lần 2: Số 1289/QĐ-BGTVT ngày 13/04/2015**
- **Quyết định công nhận lần 3: Số 361/QĐ-BGTVT ngày 02/02/2016**

Cơ quan quyết định công nhận: **Bộ giao thông vận tải**



ROAD LABORATORY II

ISO 9001:2008

INTRODUCTION

BẢN SAO

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 56 /QĐ-BGTVT Hà Nội, ngày 02 tháng 2 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận năng lực thực hiện các phép thử
của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng giao thông LAS-XD 428

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;
Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;
Căn cứ văn bản số 1064/BXD-KHCN ngày 18/8/1997 của Bộ Xây dựng về việc thoả thuận để Bộ GTVT tổ chức kiểm tra, đánh giá và ra quyết định công nhận khả năng hoạt động cho các phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng giao thông;
Căn cứ Quyết định số 14/2008/QĐ-BGTVT ngày 21/8/2008 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định công nhận và quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng giao thông và Thông tư số 55/2011/TT-BGTVT ngày 17/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy định công nhận và quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng giao thông” ban hành kèm theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGTVT ngày 21/8/2008 của Bộ trưởng Bộ GTVT;
Căn cứ Quyết định số 3479/QĐ-BGTVT ngày 14/11/2008 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc ủy quyền cho Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ kỹ thuật Quyết định công nhận năng lực thực hiện các phép thử của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng giao thông;
Xét hồ sơ đăng ký công nhận phòng thí nghiệm của Viện Khoa học và Công nghệ GTVT và Biên bản đánh giá phòng thí nghiệm ngày 23 tháng 01 năm 2016 của Tổ chuyên gia;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận Phòng thí nghiệm trọng điểm đường bộ II thuộc Viện Khoa học và Công nghệ GTVT, mã số LAS-XD 428, địa chỉ: Lô 43, 44, 45, B38 phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng được thực hiện các phép thử với các tiêu chuẩn kỹ thuật nêu trong bảng Danh mục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 1289/QĐ-BGTVT ngày 13/4/2015 của Bộ GTVT. Quyết định này không có hiệu lực khi có sự thay đổi so với các nội dung ghi tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ, Viện trưởng Viện KHCN GTVT và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thủ trưởng Nguyễn Ngọc Đồng (để b/c);
- Cục QLXD & CLCTGT;
- Sở Xây dựng Đà Nẵng;
- Lưu: VT, KHCN.

PHÓ CHỦ TỊCH UBND
PHÒNG THANH KHÊ TÂY

BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHCN

Đình Quang Tường Hoàng Hà

**ROAD LABORATORY II**

ISO 9001:2008

HỒ SƠ NĂNG LỰC**DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 428***(Kèm theo Quyết định số: 361 /QĐ-BGTVT, ngày 02 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

TT	Tên các phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử
I	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của xi măng	
1	Độ mịn và khối lượng riêng	TCVN 4030-03; AASHTO T128; ASTM C184
2	Độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết, độ ổn định thể tích	TCVN 6017-95; AASHTO T129; AASHTO T131; ASTM C187; ASTM C191
3	Độ bền uốn và độ bền nén	TCVN 6016-11; AASHTO T106; ASTM C109
4	Độ nở sunphat	TCVN 6068-04
II	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của bê tông xi măng	
1	Độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106-93; AASHTO T119; ASTM C143
2	Khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108-93; AASHTO T121; ASTM C138
3	Độ tách nước và tách vữa	TCVN 3109-93
4	Khối lượng riêng	TCVN 3112-93
5	Độ hút nước	TCVN 3113-93
6	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114-93
7	Khối lượng thể tích	TCVN 3115-93
8	Giới hạn bền khi nén	TCVN 3118-93; AASHTO T22; ASTM C39
9	Giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119-93; AASHTO T97; ASTM C78
10	Giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120-93
III	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của vữa xây dựng	
1	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:03
2	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:03
3	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:03
4	Thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:03
5	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:03
6	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:03
7	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:03
IV	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của cốt liệu dùng cho bê tông và vữa	
1	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06; AASHTO T27; ASTM C136
2	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06; AASHTO T84; ASTM C128
3	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06; AASHTO T85; ASTM C127
4	Khối lượng thể tích xếp và độ hồng	TCVN 7572-6:06; AASHTO T19M; ASTM C29
5	Độ ẩm	TCVN 7572-7:06; AASHTO T255
6	Hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06; AASHTO T11; ASTM C117

HỒ SƠ

(Handwritten signature)

**ROAD LABORATORY II**

ISO 9001:2008

INTRODUCTION

TT	Tên các phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử
7	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06; AASHTO T21; ASTM C40
8	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá góc	TCVN 7572-10:06
9	Xác định độ nén dập và hệ số hóa mềm	TCVN 7572-11:06
10	Độ mài mòn Los Angeles	TCVN 7572-12:06; AASHTO T96; ASTM C131
11	Hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06; ASTM D4791
12	Hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:06; AASHTO T112; ASTM C142
13	Hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:06
14	Đương lượng cát (ES)	AASHTO T176
15	Xác định góc dốc tự nhiên của cát	AASHTO T191
V	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của bê tông nhựa	
1	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11; AASHTO T245; ASTM D1559
2	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:11; AASHTO T16; ASTM D2172
3	Xác định thành phần hạt cốt liệu	TCVN 8860-3:11; AASHTO T27; ASTM C136
4	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11; AASHTO T209; ASTM D2041
5	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:11; AASHTO T269; ASTM D3203
6	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11
7	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11
8	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11
9	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11
10	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11
11	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11
12	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11
13	Thử độ sâu vết hằn bánh xe của bê tông nhựa bằng thiết bị Wheel tracking	Quyết định số 1617/QĐ-BGTVT ngày 29/4/2014; AASHTO T324; AASHTO T312; EN 12697-33
VI	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của nhựa đường đặc	
1	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:05; AASHTO T49; ASTM D5-97
2	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:05; AASHTO T51; ASTM D113
3	Xác định nhiệt độ hoá mềm	TCVN 7497:05; AASHTO T53
4	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05; AASHTO T48; ASTM D92
5	Xác định lượng tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:05; AASHTO T47; ASTM D6
6	Xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloretylen	TCVN 7500:05; AASHTO T44; ASTM D2042
7	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 7501:05; AASHTO T228; ASTM D70
8	Độ nhớt động lực	TCVN 7502:05; TCVN8818-5:11; ASTM D2171; AASHTO T201

**ROAD LABORATORY II**

ISO 9001:2008

HỒ SƠ NĂNG LỰC

TT	Tên các phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử
9	Xác định hàm lượng Paraphin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:05; DIN 52015
10	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:05; AASHTO T182; ASTM D3625
11	Chỉ số độ kim lún PI	TCVN 7495:05; TT 27/2014/TT-BGTVT; AASHTO T49; ASTM D5
12	Xác định ảnh hưởng của nhiệt độ và không khí bằng phương pháp màng mỏng (TFOT)	ASTM D1754
13	Xác định ảnh hưởng của nhiệt độ và không khí bằng phương pháp màng mỏng xoay (RTFOT)	ASTM D2872; AASHTO T240
14	Tồn thất khối lượng	ASTM D1754
15	Độ đàn hồi	22TCN 319:04; ASTM D6084, AASHTO T301
16	Độ ổn định lưu trữ	22TCN 319:04; ASTM D5892
17	Độ nhớt Brookfield	22TCN 319:04; ASTM D4402
VII	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của nhựa đường lỏng	
1	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:11; AASHTO T79; ASTM D3143
2	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:11; AASHTO T55; ASTM D95
3	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4:11; AASHTO T78; ASTM D402
VIII	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của nhũ tương nhựa đường axit	
1	Xác định độ nhớt SayboltFurol	TCVN 8817-2:11; ASTM D244; ASTM D88; AASHTO T59; AASHTO T72
2	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:11; ASTM D6930; AASHTO T59
3	Xác định lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:11; ASTM D6933; AASHTO T59
4	Xác định diện tích hạt	TCVN 8817-5:11; ASTM D244-04; AASHTO T59
5	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:11; ASTM D6936; AASHTO T59
6	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:11; ASTM D6935; AASHTO T59
7	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:11; ASTM D244; AASHTO T59
8	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8817-9:11
9	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:11
10	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tách nhanh	TCVN 8817-11:11; ASTM D244; AASHTO T59
11	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tách chậm	TCVN 8817-12:11; ASTM D244; AASHTO T59
12	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:11; ASTM D6999; AASHTO T59
13	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:11; ASTM D6937; AASHTO T59
14	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:11; ASTM D244; AASHTO T59



ROAD LABORATORY II

ISO 9001:2008

INTRODUCTION

TT	Tên các phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử
IX	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của bột khoáng chất	
1	Thành phần hạt	TCVN 7572-2:06; AASHTO T37
2	Độ ẩm	TCVN 7572-7:06; AASHTO T255
3	Chỉ số dẻo của bột khoáng nghiền từ đá các bô nát	TCVN 4197-12; AASHTO T90; AASHTO T89; ASTM D3418
4	Hình dáng bên ngoài	22 TCN 58-84
5	Khối lượng riêng	22 TCN 58-84
6	Khối lượng riêng của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58-84
7	Khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58-84
8	Độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58-84
9	Lượng mất khi nung	22 TCN 58-84
10	Hệ số hấp nước	22 TCN 58-84
11	Chỉ số hàm lượng nhựa và bột khoáng	22 TCN 58-84
X	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của đất	
1	Khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12; AASHTO T100; ASTM D854
2	Độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12; AASHTO T265
3	Giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12; AASHTO T89; AASHTO T90; ASTM D3418
4	Thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:95; AASHTO T88; ASTM D2487
5	Đảm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:12; 22 TCN 333 – 06; AASHTO T180; AASHTO T99
6	Sức chịu tải của đất trong phòng (CBR)	22 TCN 332 – 06; AASHTO T193; ASTM D1883
7	Xác định đặc trưng trương nở của đất sét	14 TCN 133-2005
8	Xác định đặc trưng eo ngót của đất sét	14 TCN 134-2005
9	Xác định hệ số thấm K	14 TCN 139-2005; AASHTO T215; ASTM D2434
XI	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của đất, đá, cát gia cố chất kết dính	
1	Cường độ kháng ép	22 TCN 59 - 84
2	Độ ổn định nước sau 5 chu kỳ bão hòa - sấy	22 TCN 59 - 84
3	Mô đun biến dạng	22 TCN 59 - 84
4	Cường độ kéo khi ép chế	TCVN 8862: 2011
XII	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của dung dịch Bentonite	
1	Xác định khối lượng riêng	TCVN 9395:12
2	Xác định độ nhớt	TCVN 9395:12
3	Xác định hàm lượng cát	TCVN 9395:12
4	Tỷ lệ chất keo	TCVN 9395:12
5	Xác định lượng mất nước	TCVN 9395:12
6	Độ dày áo sét	TCVN 9395:12
7	Lực cắt tĩnh	TCVN 9395:12
8	Tính ổn định	TCVN 9395:12
9	Xác định độ pH	TCVN 9395:12
XIII	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của gạch đất sét nung	
1	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09; AASHTO T32; ASTM C67



ROAD LABORATORY II

ISO 9001:2008

HỒ SƠ NĂNG LỰC

TT	Tên các phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử
2	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09; AASHTO T32; ASTM C67
3	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09; AASHTO T32; ASTM C67
4	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:09; AASHTO T32; ASTM C67
5	Xác định độ rỗng gạch xây	TCVN 6355-6:09
XIV	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của gạch bê tông tự chèn	
1	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:99
2	Cường độ nén	TCVN 6476:99
3	Độ hút nước	TCVN 6355:99
4	Độ mài mòn	TCVN 6065:95
XV	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của gạch xi măng lát nền	
1	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6065:1995
2	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065:1995
3	Xác định độ hút nước	TCVN 6065:1995
4	Xác định lực va đập xung kích	TCVN 6065:1995
5	Xác định tải trọng uốn gãy toàn viên	TCVN 6065:1995
6	Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995
7	Thử cơ lý gạch lát Granito	TCVN 6074:1995
XVI	Phép thử các chỉ tiêu cơ lý của kim loại và mối hàn	
1	Kim loại: phương pháp thử kéo	TCVN 197:02; AASHTO T244; AASHTO T68M; ASTM A370; ASTM E8M; JIS Z2241
2	Kim loại: phương pháp thử uốn	TCVN 198:08; AASHTO T244; ASTM A370; ASTM E290; JIS Z2248-96
3	Mối hàn: phương pháp thử uốn	TCVN 5401:10; AWS D1.1; ASTM E190; JIS Z3122
4	Thử phá hủy mối hàn kim loại - Thử kéo ngang	TCVN 8310:10
5	Thử phá hủy mối hàn kim loại - Thử kéo dọc	TCVN 8311:10
6	Độ cứng xác định theo phương pháp Brinell (HB)	TCVN 256:06; AASHTO T70; ASTM E10
7	Độ cứng xác định theo phương pháp Rockwell (HR)	TCVN 257:07; AASHTO T80; ASTM E18
8	Thí nghiệm cấp DUL (tao đơn)	ASTM A370
XVII	Thử nghiệm hiện trường	
1	Mô đun đàn hồi xác định bằng cân Benkelman	TCVN 8867:11; AASHTO T256; ASTM D4695
2	Mô đun đàn hồi của nền đất và kết cấu áo đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11; AASHTO T221; ASTM D195
3	Độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864 : 11
4	Độ nhám của mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11; ASTM E965
5	Khối lượng thể tích của vật liệu trong lớp kết cấu (phương pháp rót cát)	22 TCN 346:06; AASHTO T191; ASTM D1556
6	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng) bằng phương pháp dao vòng	TCVN 4202:12; AASHTO T191
7	Phương pháp hỗn hợp xung siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:12

fl/bram

**ROAD LABORATORY II**

ISO 9001:2008

INTRODUCTION

TT	Tên các phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử
8	Phương pháp xác định cường độ nén BTXM bằng súng bật nảy	TCVN 9334:12
9	Phương pháp thử không phá hủy – đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:12

Ghi chú: Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.



ROAD LABORATORY II

ISO 9001:2008

HỒ SƠ NĂNG LỰC

B – CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Phòng thí nghiệm trọng điểm đường bộ II, trực thuộc Viện Khoa học và Công nghệ GTVT, được thành lập theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải số 986/2002/QĐ-BGTVT ký ngày 08/04/2002. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng thí nghiệm trọng điểm đường bộ II với nội dung theo quyết định của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải số 968/2002/QĐ-BGTVT ký ngày 04/04/2002.

1. Chức năng:

- a) Trực tiếp thực hiện hoặc giám định các kết quả phân tích, thí nghiệm, kiểm định có liên quan đến việc đánh giá chất lượng các công trình xây dựng đường bộ.
- b) Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc lĩnh vực xây dựng đường bộ.
- c) Tham gia đào tạo cán bộ KH&CN thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc lĩnh vực hoạt động của Phòng thí nghiệm.

2. Nhiệm vụ:

- a) Thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định, theo dõi đánh giá các loại vật liệu, kết cấu công trình ứng dụng trong xây dựng đường bộ.
- b) Nghiên cứu khoa học và nghiên cứu triển khai công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng công trình đường bộ.
- c) Tham gia xây dựng hệ thống tiêu chuẩn trong lĩnh vực xây dựng công trình đường bộ.
- d) Các nhiệm vụ được ưu tiên theo thứ tự sau: Bộ giao thông vận tải trực tiếp giao, Viện KH&CN GTVT giao, hợp đồng với các đơn vị khác.

3. Quyền hạn:

- a) Được Bộ GTVT ưu tiên giao các nhiệm vụ trọng điểm liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng thí nghiệm.
- b) Được ký kết các hợp đồng thí nghiệm, kiểm tra đánh giá chất lượng vật liệu, kết cấu trong xây dựng đường bộ, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đào tạo cán bộ KH&CN, dịch vụ KH&CN, các

**ROAD LABORATORY II**

ISO 9001:2008

INTRODUCTION

hợp đồng kinh tế với các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước và ngoài nước về các lĩnh vực có liên quan thuộc chức năng, nhiệm vụ của Phòng thí nghiệm.

- c) Tham gia tuyển chọn để được chủ trì thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của Nhà nước, của Bộ GTVT.
- d) Được hợp tác KH&CN với các tổ chức quốc tế, các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Phòng thí nghiệm và quy định hiện hành của pháp luật.

C – CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ DANH SÁCH CBCNV**1. Ban lãnh đạo Phòng thí nghiệm trọng điểm đường bộ II**

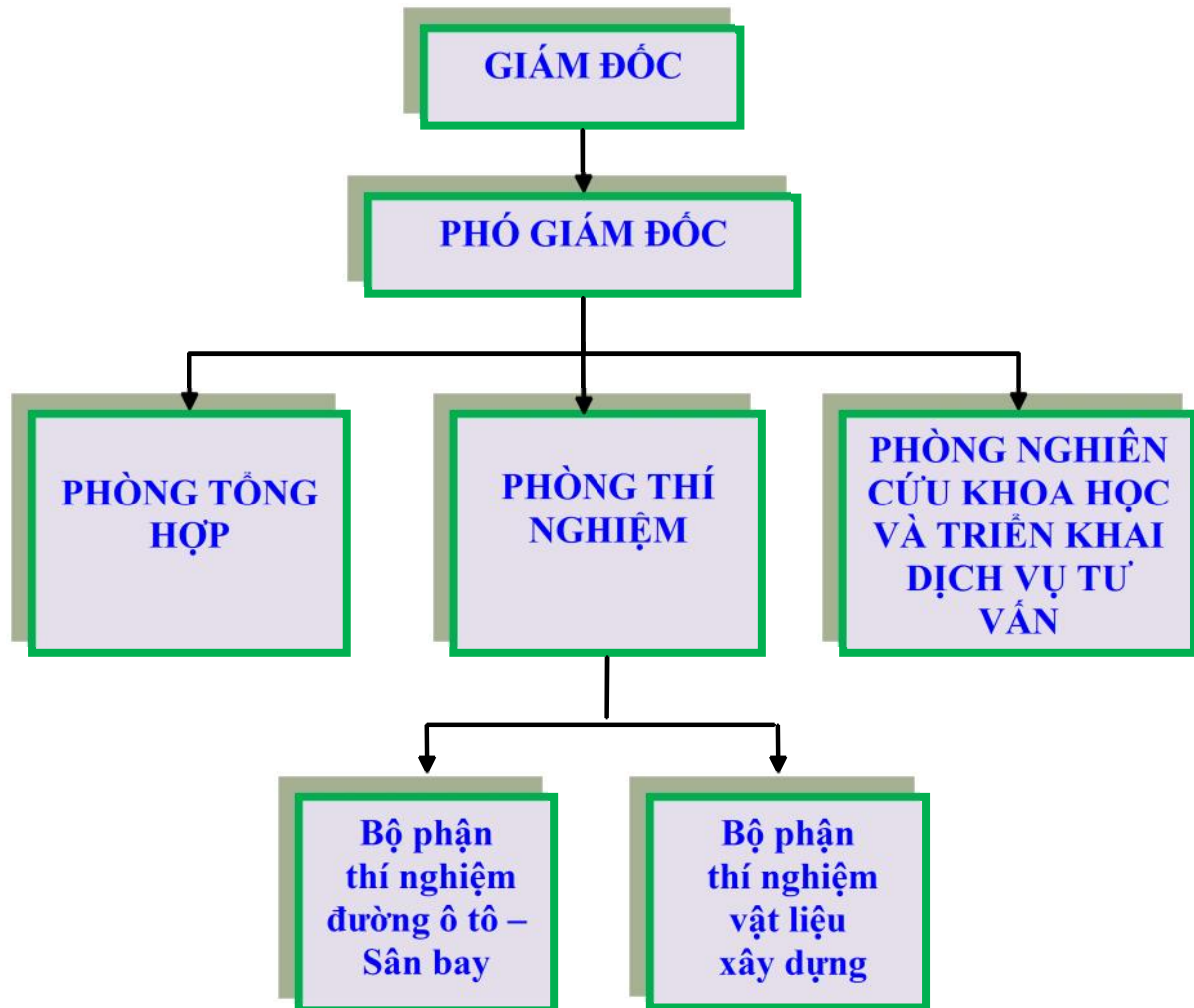
STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ, chức danh	Email
1	Nguyễn Tuấn Hiền	1975	Giám đốc	hienitst2@gmail.com
2	Nguyễn Văn Thâm	1976	Phó Giám đốc -Phụ trách TN-KĐ	thamroadlab2.itst@gmail.com
3	Nguyễn Thanh Lập	1976	Phó Giám đốc - Phụ trách kỹ thuật	pvm_tplap231@gmail.com

2. Cơ cấu tổ chức hoạt động**2.1. Cơ cấu tổ chức được phân chia làm ba phòng chính:**

- a) Phòng Tổng hợp.
- b) Phòng thí nghiệm.
- c) Phòng nghiên cứu khoa học và triển khai dịch vụ tư vấn.

**ROAD LABORATORY II**

ISO 9001:2008

HỒ SƠ NĂNG LỰC**Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Phòng Thí nghiệm trọng điểm đường bộ II****2.2. Về nhân sự phân theo trình độ, chuyên môn cụ thể như sau:**

TT	Trình độ	Số người	Chuyên môn
1	Thạc sĩ kỹ thuật, kinh tế	04	Cầu hầm; Đường ô tô và đường TP; kinh tế
2	Kỹ sư và cử nhân	11	Kỹ sư xây dựng cầu đường, kinh tế
3	Trung cấp, Cao Đẳng	01	Cầu đường
4	Thí nghiệm viên	01	Cầu đường
5	Cộng	17	

**ROAD LABORATORY II**

ISO 9001:2008

INTRODUCTION**Danh sách CBCNV Phòng thí nghiệm trọng điểm đường bộ II**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ/ chức danh	Kinh nghiệm
1	Nguyễn Tuấn Hiền	1975	ThS.Vật liệu XD	Giám đốc	17 năm
2	Nguyễn Văn Thâm	1976	ThS. cầu đường	Phó Giám đốc - Phụ trách TN-KĐ	15 năm
3	Nguyễn Thanh Lập	1976	ThS. cầu đường	Phó Giám đốc - Phụ trách kỹ thuật	15 năm
4	Phan Tuấn Anh	1991	Cao đẳng XD	Nhân viên thí nghiệm	04 năm
5	Nguyễn Văn Cừ	1976	KS.XD Cầu đường	Cán bộ kỹ thuật	14 năm
6	Hoàng Việt Cường	1980	Thạc sỹ kinh tế	Phụ trách kế toán	14 năm
7	Nguyễn Hùng Cường	1978	KS.XD Cầu đường	Cán bộ kỹ thuật	14 năm
8	Vi Văn Cường	1980	Thí nghiệm viên	Nhân viên thí nghiệm	14 năm
9	Võ Văn Duy	1984	KS.XD Cầu đường	Cán bộ kỹ thuật	7 năm
10	Phan Thanh Hải	1990	KS.XD Cầu đường	Cán bộ kỹ thuật	03 năm
11	Thái Văn Hùng	1992	KS.XD Cầu đường	Cán bộ kỹ thuật	02 năm
12	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	1985	Cử nhân kinh tế	Cán bộ văn phòng	08 năm
13	Phạm Văn Quyền	1983	KS.XD Cầu đường	Cán bộ kỹ thuật	10 năm
14	Lê Thị Sang	1984	KS.Kinh tế XD&QLDA	Cán bộ Kế hoạch - Tổng hợp	9 năm
15	Trịnh Quang Thiện	1984	KS.XD Cầu đường	Cán bộ kỹ thuật	8 năm

**ROAD LABORATORY II**

ISO 9001:2008

HỒ SƠ NĂNG LỰC

16	Trần Thiết Trụ	1990	Cử nhân kinh tế	Kế toán viên	02 năm
17	Nguyễn Hoàng Tuấn	1987	KS.XD Cầu đường	Cán bộ kỹ thuật	6 năm

D - NĂNG LỰC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Tính năng	Nhiệm vụ
1	Phương tiện vận tải		
1.1	Xe chuyên dùng	Vận chuyển quân, thiết bị	Thị sát hiện trường
1.2	Xe ô tô tải 5 tấn	Vận chuyển thiết bị, mẫu.	Vận chuyển mẫu
2	Thiết bị thí nghiệm ngoài hiện trường		
2.1	Bộ khuôn đúc mẫu BTXM	Đúc mẫu	TN hiện trường
2.2	Máy nén mẫu BTXM	Kiểm tra cường độ của BTXM	TN hiện trường
2.2	Máy kéo thép	Kiểm tra cơ lý thép	TN hiện trường
2.3	Súng thử cường độ cấu kiện bê tông	Kiểm tra cường độ cấu kiện bê tông	TN hiện trường
2.4	Máy siêu âm kiểm tra cường độ và độ đồng nhất	Máy siêu âm bê tông	TN hiện trường
2.5	Máy dò cốt thép	Kiểm tra chiều dày lớp bảo vệ, đường kính cốt thép	TN hiện trường
2.6	Kính lúp và thiết bị đo vết nứt	Kiểm tra khuyết tật, hư hỏng, vết nứt của bê tông	TN hiện trường
2.7	Thiết bị đo chuyển vị cơ học hoặc điện tử	Đo chuyển vị của kết cấu	TN hiện trường
2.8	Thiết bị đo dao động chuyên dụng	Đo dao động của kết cấu nhịp, mô trụ cầu	TN hiện trường
2.9	Thiết bị đo ứng suất	Đo ứng suất dầm chủ	TN hiện trường

**ROAD LABORATORY II**

ISO 9001:2008

INTRODUCTION

STT	Tên thiết bị	Tính năng	Nhiệm vụ
2.10	Máy khoan bê tông	Lấy mẫu thí nghiệm bê tông	TN hiện trường
2.11	Máy siêu âm cọc khoan nhồi	Kiểm tra tính đồng nhất BT cọc khoan nhồi	TN hiện trường
2.12	Thiết bị thí nghiệm PDA	Kiểm tra sức chịu tải cọc khoan nhồi	TN hiện trường
2.13	Máy thủy bình	Đo độ võng tĩnh của dầm	TN hiện trường
2.14	Máy toàn đạc	Đo độ võng tĩnh của dầm	TN hiện trường
2.15	Bộ Phễu rót cát	Đo độ chặt hiện trường	TN hiện trường
2.16	Cân Ohaus 2610kg (sai số 0.01g)	Xác định khối lượng	TN hiện trường
2.17	Cân điện tử (Nhật) - Max 4100g, sai số 0.01g	Xác định khối lượng	TN hiện trường
2.18	Cân điện tử - Max 8000g, sai số 0.1g	Xác định khối lượng	TN hiện trường
2.19	Cân điện tử 15000g (sai số 1 g)	Xác định khối lượng	TN hiện trường
2.20	Máy khoan mẫu BTN, BTXM	Khoan mẫu BTN	TN hiện trường
2.21	Máy cắt mẫu BTN	Cắt mẫu BTN	TN hiện trường
2.22	Cần đo võng Benkelman và các phụ kiện	Đo mô đun đàn hồi	TN hiện trường
2.23	Máy IRI, thước 3m đo độ bằng phẳng	Đo độ bằng phẳng	TN hiện trường
2.14	Bộ dụng cụ đo độ nhám mặt đường	Đo độ nhám mặt đường	TN hiện trường
2.25	Kích thủy lực	Đo mô đun đàn hồi	TN hiện trường
2.26	Thước thép	Đo kích thước	TN hiện trường
3	Thiết bị thí nghiệm trong phòng		
3.1	Thiết bị thí nghiệm độ thấm Ion Clo	Kiểm tra độ thấm Ion Clo	TN trong phòng
3.2	Bộ sàng tiêu chuẩn TCVN, AASHTO	Xác định thành phần hạt của đất, cốt liệu nhỏ, lớn, ...	TN trong phòng
3.3	Bộ cối chày thí nghiệm đầm nén TCVN; AASHTO	Xác định thí nghiệm đầm nén	TN trong phòng

**ROAD LABORATORY II**

ISO 9001:2008

HỒ SƠ NĂNG LỰC

STT	Tên thiết bị	Tính năng	Nhiệm vụ
3.4	Bộ sàng của Nhật (16 cái)	Xác định thành phần hạt của vật liệu	TN trong phòng
3.5	Bộ khuôn CBR + Tấm gia tải + đồng hồ đo	Xác định CBR	TN trong phòng
3.6	Thiết bị thí nghiệm tỷ trọng đồng bộ	Xác định tỷ trọng	TN trong phòng
3.7	Thiết bị thí nghiệm Giới hạn Atterberg	Xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TN trong phòng
3.8	Thiết bị thí nghiệm độ ẩm nhanh	Xác định độ ẩm	TN trong phòng
3.9	Thuốc kẹp xác định hàm lượng hạt thoi dẹt của của vật liệu đá	Xác định hạt thoi dẹt đá dăm tiêu chuẩn, CPDD	TN trong phòng
3.10	Thiết bị thí nghiệm mài mòn Los Angeles	Xác định độ mài mòn	TN trong phòng
3.11	Bộ thí nghiệm hàm lượng bụi bùn sét của cốt liệu nhỏ và lớn	Xác định hàm lượng bụi bùn sét	TN trong phòng
3.12	Thiết bị thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của bột khoáng	Xác định cơ lý bột khoáng	TN trong phòng
3.13	Thiết bị xác định độ giãn dài Model B54	TN độ giãn dài của nhựa đường	TN trong phòng
3.14	Thiết bị xác định điểm hoá mềm Model B72	xác định điểm hoá mềm của nhựa đường	TN trong phòng
3.15	Thiết bị xác định độ kim lún tự động hiện số	Xác định độ kim lún của nhựa đường	TN trong phòng
3.16	Thiết bị xác định độ nhớt nhựa đường	Xác định độ nhớt nhựa đường	TN trong phòng
3.17	Thiết bị thí nghiệm hàm lượng Paraphin của nhựa đường	Xác định hàm lượng Paraphin	TN trong phòng
3.18	Thiết bị thí nghiệm hằn lún vết bánh xe	Xác định chiều sâu hằn lún trong phòng	TN trong phòng
3.19	Thiết bị xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloretylen	Xác định độ lượng hòa tan	TN trong phòng
3.20	Thiết bị xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	Xác định khối lượng riêng	TN trong phòng
3.21	Thiết bị xác định nhiệt độ bắt lửa	Xác định độ bắt lửa	TN trong phòng
3.22	Thiết bị xác định độ bám dính với	Xác định độ dính bám	TN trong phòng

**ROAD LABORATORY II**

ISO 9001:2008

INTRODUCTION

STT	Tên thiết bị	Tính năng	Nhiệm vụ
	đá	với đá	
3.23	Thiết bị thí nghiệm nhựa PP Marshall đồng bộ	Xác định Marshall của BTN	TN trong phòng
3.24	Thiết bị chiết suất nhựa bằng PP ly tâm	Xác định hàm lượng nhựa	TN trong phòng
3.25	Thiết bị thí nghiệm trọng lượng riêng cốt liệu mịn	Xác định trọng lượng riêng	TN trong phòng
3.26	Bộ khuôn đúc Marshall	Đúc mẫu BTN trong phòng	TN trong phòng
3.27	Cân điện tử 6100g (sai số 0.1g)	Xác định khối lượng	TN trong phòng
3.28	Cân điện tử 210g (sai số 0.001g)	Xác định khối lượng	TN trong phòng
3.29	Cân điện tử 15000g (sai số 1 g)	Xác định khối lượng	TN trong phòng
3.30	Cân điện tử - Max 4100g, sai số 0.01g	Xác định khối lượng	TN trong phòng
3.31	Cân điện tử - Max 8000g, sai số 0.1g	Xác định khối lượng	TN trong phòng
3.32	Cân điện tử - Max 4100g, sai số 0.01g	Xác định khối lượng	TN trong phòng
3.33	Cân Ohaus 2610kg (sai số 0.01g)	Xác định khối lượng	TN trong phòng
3.34	Cân điện tử phân tích 210grs;d:0.001grs.Ohaus	Xác định khối lượng	TN trong phòng
3.35	Kích tháo mẫu chuyên dụng	Tháo mẫu	TN trong phòng
3.36	Máy cắt mẫu BTN, đá góc	Cắt, gia công mẫu	TN trong phòng
4	Máy tính phục vụ công tác thí nghiệm trong phòng		
4.1	Máy vi tính để bàn	Xử lý số liệu	TN trong phòng
4.2	Máy vi tính xách tay	Xử lý số liệu	TN trong phòng
4.3	Các phần mềm MIDAS, RM-SPACEFRAME 2004	Thử tải cầu	TN trong phòng
4.4	Máy in A4	In tài liệu, hồ sơ	TN trong phòng
4.5	Máy in A3	In tài liệu, hồ sơ	TN trong phòng
4.6	Máy phô tô các loại	Pho to hồ sơ	TN trong phòng
4.7	Máy ảnh	Chụp ảnh	



ROAD LABORATORY II

ISO 9001:2008

HỒ SƠ NĂNG LỰC

**MỘT SỐ HÌNH ẢNH TRANG THIẾT BỊ, MÁY MÓC CỦA
PHÒNG THÍ NGHIỆM TRỌNG ĐIỂM ĐƯỜNG BỘ II**



Máy kéo thép, cấp GEW - 1000B



ROAD LABORATORY II

ISO 9001:2008

INTRODUCTION



Thiết bị đo hằn lún vết hằn bánh xe Wheel Tracking





ROAD LABORATORY II

ISO 9001:2008

HỒ SƠ NĂNG LỰC



Mẫu Bê tông nhựa sau khi chạy hần lún



Thiết bị bán tự động xác định độ kim lún



ROAD LABORATORY II

ISO 9001:2008

HỒ SƠ NĂNG LỰC



Thiết bị đầm lăn đúc mẫu vật hàn bánh xe



ROAD LABORATORY II

ISO 9001:2008

INTRODUCTION



Thiết bị trộn chế bị mẫu Bê tông nhựa



Thiết bị lò quay màng mỏng TFOT



ROAD LABORATORY II

ISO 9001:2008

HỒ SƠ NĂNG LỰC



Thiết bị lò quay màng mỏng R-TFOT



Thiết bị xác định độ nhớt Saybolt Furol của nhũ tương nhựa đường



ROAD LABORATORY II

ISO 9001:2008

INTRODUCTION



Thiết bị xác định độ nhớt Brook Field của nhựa đường Polime



Thiết bị xác định độ nhớt của nhựa đường đặc, nhựa lỏng



ROAD LABORATORY II

ISO 9001:2008

HỒ SƠ NĂNG LỰC



Thiết bị xác định hàm lượng Paraphin trong nhựa đường đặc



ROAD LABORATORY II

ISO 9001:2008

INTRODUCTION



Không gian làm việc, bố trí máy móc của phòng thí nghiệm

**ROAD LABORATORY II**

ISO 9001:2008

HỒ SƠ NĂNG LỰC**E – TRỤ SỞ LÀM VIỆC**

* Trụ sở Phòng thí nghiệm trọng điểm đường bộ II: Lô 43,44,45 - B38 – Phường Hòa Minh – Quận Liên Chiểu – Thành phố Đà Nẵng.

TT	Tên bộ phận	Điện thoại/Fax
1	Phòng Tổng hợp	05113 766 890
2	Phòng thí nghiệm	05113 769 912

+ Các phòng làm việc đều được bố trí quạt, đèn, máy điều hòa không khí đầy đủ.

+ Các phòng thí nghiệm được trang bị đầy đủ thiết bị hút độc, khử mùi, máy điều hòa đảm bảo môi trường thí nghiệm theo đúng yêu cầu của các phép thử.

F – LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

+ Thí nghiệm, kiểm định, nghiên cứu, chuyên gia, khảo sát đánh giá chất lượng vật liệu và công trình giao thông vận tải với đội ngũ cán bộ nhiều kinh nghiệm.

+ Tư vấn công trình xây dựng (khảo sát, quy hoạch, thiết kế, lập và quản lý dự án đầu tư, đấu thầu, thẩm tra thiết kế, giám sát thi công). Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn trong lĩnh vực giám sát, kỹ thuật nghiệp vụ. Tập huấn về quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật và thi công công trình.

+ Nghiên cứu phát triển các loại vật liệu thuộc các lĩnh vực:

- Bê tông nhựa, nhựa đường đặc, nhựa đường lỏng, nhựa đường Polime, nhũ tương nhựa đường.

- Vật liệu gia cố hữu cơ và vô cơ.

- Cấp phối đá dăm và đá dăm.

- Đất xây dựng và địa kỹ thuật.

- Vật liệu kim loại.

- Bê tông xi măng và vữa xi măng.

- Phụ kiện (neo, cóc, tà vẹt, cáp).

**ROAD LABORATORY II**

ISO 9001:2008

INTRODUCTION

- + Nghiên cứu phát triển các thử nghiệm hiện trường về mặt đường, kết cấu nền mặt đường, địa kỹ thuật và kết cấu công trình.
- + Nghiên cứu xây dựng các quy trình và biên soạn các tiêu chuẩn thử nghiệm.
- + Hợp tác và liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện nhiệm vụ của Bộ GTVT, Viện KH&CN GTVT.

G – DANH MỤC MỘT SỐ CÔNG TRÌNH ĐÃ THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN QUA

TT	Tên dự án, địa điểm xây dựng, quy mô	Nội dung công việc	Đơn vị quản lý dự án	Giá trị thực hiện
1	+ Đầu tư xây dựng công trình cải tạo nền, mặt đường Quốc lộ 1 đoạn Phan Thiết - Đồng Nai theo hình thức hợp đồng BOT. + Địa điểm: Tỉnh Bình Thuận, Tỉnh Đồng Nai. + Quy mô: Dự án cấp II	Tư vấn kiểm định	+ Tổng Công ty BOT 319 – Bộ Quốc phòng.	6.171.308.000 VNĐ
2	+ Đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn từ Km 1265+000 - Km 1353+300, tỉnh Phú Yên. + Địa điểm: Tỉnh Phú Yên. + Quy mô: Dự án cấp II	Tư vấn kiểm định	+ Ban QLDA Thăng Long.	7.397.653.000 VNĐ

**ROAD LABORATORY II**

ISO 9001:2008

HỒ SƠ NĂNG LỰC

3	<p>+ Xây dựng sân đỗ máy bay Cảng hàng không Thọ Xuân. + Địa điểm: Tỉnh Thanh Hóa. + Quy mô: Dự án cấp đặc biệt</p>	Tư vấn kiểm định	+ Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam.	1.250.000.000 VNĐ
4	<p>+ Dự án đầu tư xây dựng công trình, khôi phục cải tạo quốc lộ 20 đoạn Km 123+105,17 - Km 154+400, theo hình thức hợp đồng BOT. + Địa điểm: tỉnh Lâm Đồng. + Quy mô: Dự án cấp III</p>	Tư vấn kiểm định	+ Công ty TNHH BOT và BT Quốc lộ 20.	1.724. 370.457 VNĐ
5	<p>+ Đầu tư xây dựng mở rộng QL1 đoạn Km649+700 – Km657+025,89; Km663+900 – Km671+228,94 và Km672+821,54 – Km717+100, thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình. + Địa điểm: Tỉnh Quảng Bình. + Quy mô: Dự án cấp II</p>	Tư vấn giám sát	<p>+ Bước chuẩn bị đầu tư: Ban QLDA 6. + Bước thực hiện đầu tư: Sở GTVT Quảng Bình.</p>	14.073.300.000 VNĐ

**ROAD LABORATORY II**

ISO 9001:2008

INTRODUCTION

6	<p>+ Tư vấn giám sát thi công các cầu treo dân sinh trên địa bàn tỉnh Quảng Bình thuộc Đề án ĐTXD 186 cầu treo dân sinh đảm bảo ATGT trên phạm vi 28 tỉnh miền núi phía Bắc, miền Trung và Tây Nguyên.</p> <p>+ Địa điểm: Tỉnh Quảng Bình.</p>	Tư vấn giám sát	<p>+ Bước chuẩn bị đầu tư: Ban QLDA 6.</p> <p>+ Bước thực hiện đầu tư: Sở GTVT Quảng Bình.</p>	1.049.504.423 VNĐ
7	<p>+ Tư vấn giám sát Sửa chữa hệ thống mặt đường giao thông công trình hầm đường bộ đèo Ngang, Km591+696 – Km594+180.</p> <p>+ Địa điểm: Tỉnh Quảng Bình, Tỉnh Hà Tĩnh.</p> <p>+ Quy mô: Dự án cấp II</p>	Tư vấn giám sát	+ Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà.	227.500.000 VNĐ
8	<p>+ Tư vấn thẩm tra khảo sát bản vẽ thi công – Dự án: ĐT XD công trình QL 1 đoạn Km 649+700 – Km 657+025,89; Km 663+900-Km671+228,94; Km 672+821,54-Km 717+100 thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình.</p> <p>+ Địa điểm: Tỉnh Quảng Bình.</p> <p>+ Quy mô: Dự án cấp II</p>	Tư vấn thẩm tra	+ Ban QLDA khu vực chuyên ngành giao thông vận tải Quảng Bình.	714.000.000 VNĐ

**ROAD LABORATORY II**

ISO 9001:2008

HỒ SƠ NĂNG LỰC

9	+ Tư vấn thẩm tra bản vẽ thi công – Dự án: ĐT Xd công trình mở rộng QL1 đoạn km1212+400- km1265+00, tỉnh Bình Định và Tỉnh Phú Yên. + Địa điểm: Tỉnh Bình Định, Tỉnh Phú Yên. + Quy mô: Dự án cấp II	Tư vấn thẩm tra	+ Công ty TNHH ĐT BOT Bình Định.	540.800.000 VNĐ
10	+ Công tác thí nghiệm trong phòng các vật liệu như: Bê tông nhựa, nhựa các loại; cấp DƯL, hệ thống ATGT,... phục vụ cho các tuyến đường QL1, QL14, Đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi, Đường cao tốc La Sơn – Túy Loan,...	Thí nghiệm tất cả các chỉ tiêu trong phòng LAS		+ Tùy theo báo giá của các chỉ tiêu thí nghiệm vật liệu khác nhau.

H – MỘT SỐ HÌNH ẢNH NGOÀI CÔNG TRƯỜNG CỦA MỘT SỐ DỰ ÁN**TƯ VẤN KIỂM ĐỊNH****Đảm bảo ATGT trong khi làm việc****Mẫu BTN khoan cắt hiện trường**



ROAD LABORATORY II

ISO 9001:2008

INTRODUCTION



Đo độ chặt móng CPDD loại 1



Đo chiều dày móng CPDD loại 1



Công tác khoan cắt và lấy mẫu BTNC19 hiện trường



Kiểm tra độ dính bám của BTNC19 với các lớp bên dưới



ROAD LABORATORY II

ISO 9001:2008

HỒ SƠ NĂNG LỰC



Công tác khoan cắt mẫu BTNC19

Kiểm tra độ dính bám của BTNC19



ROAD LABORATORY II

ISO 9001:2008

INTRODUCTION

TƯ VẤN GIÁM SÁT



**Thi công lớp móng cấp phối đá dăm loại I $D_{max}25mm$
Dự án nâng cấp mở rộng QL1 đoạn qua tỉnh Quảng Bình**



ROAD LABORATORY II

ISO 9001:2008

HỒ SƠ NĂNG LỰC



**Thi công mặt đường bê tông nhựa hạt trung C19
Dự án nâng cấp mở rộng QL1 đoạn qua tỉnh Quảng Bình**



**Đổ bê tông móng neo cầu Tăng Hóa, xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa;
Dự án 186 Cầu treo dân sinh**



ROAD LABORATORY II

ISO 9001:2008

INTRODUCTION



**Đổ bê tông móng trụ tháp cầu K-reeng, xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa.
Dự án 186 Cầu treo dân sinh**



**Cầu Bồng Lai, xã Hưng Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình
Dự án 186 Cầu treo dân sinh**



ROAD LABORATORY II

ISO 9001:2008

HỒ SƠ NĂNG LỰC



**Cầu treo Bồng Lai, xã Hưng Trạch, huyện Bố Trạch, Quảng Bình
Dự án 186 Cầu treo dân sinh**